



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000877

Tên học phần: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**Mã học phần: **BAA00104**Lớp: **22TTH2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20120356	Lê Minh	Quân			☐		6	5	Sáu năm	
2	21110143	Phạm Thị Quỳnh	Như			☐		7	5	Bảy năm	
3	21120099	Hoàng Thành	Nam			☐		9	0	Chín không	
4	21120176	Đinh Thị Thúy	Hường			☐		9	0	Chín không	
5	21120185	Phạm Văn Anh	Thư			☐		9	0	Chín không	
6	21120512	Nguyễn Thị	Nguyệt			☐		8	0	Tám không	
7	21120517	Nguyễn Thúc Minh	Nhật			☐		8	0	Tám không	
8	21180143	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy			☐		9	0	Chín không	
9	21180164	Nguyễn Phúc Thiên	Duy			☐		8	5	Tám năm	
10	21180239	Trần Bạch	Vân			☐		8	5	Tám năm	
11	21180253	Văng Phi	Trường			☐		9	5	Chín năm	
12	21180306	Trịnh Ngọc Phương	Lan			☐		8	5	Tám năm	
13	21180318	Phan Đặng Hồng	Minh			☐		8	5	Tám năm	
14	21180329	Nguyễn Thị Thu	Ngân			☐		9	0	Chín không	
15	21180330	Phan Lê Thanh	Ngân			☐		9	0	Chín không	
16	21180332	Lê Đại	Nghĩa			☐		9	5	Chín năm	
17	21180364	Vũ Trần Quang	Thịnh			☐		9	0	Chín không	
18	21180377	Lê Thị Bảo	Trang			☐	1	0	0	Mười không	
19	21180383	Nguyễn Quang	Trung			☐		9	0	Chín không	
20	21180387	Phạm Thị Thanh	Tuyền			☐	1	0	0	Mười không	
21	22110078	Trần Nguyễn	Khang			☐	1	0	0	Mười không	
22	22110081	Lê Đặng Gia	Khánh			☐	1	0	0	Mười không	
23	22110082	Nguyễn Đoàn Phương	Khánh			☐		9	0	Chín không	
24	22110083	Nguyễn Hoàng	Khánh			☐	1	0	0	Mười không	
25	22110084	Nguyễn Đăng	Khoa			☐		7	5	Bảy năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000878

Tên học phần: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã học phần: **BAA00104**

Lớp: **22TTH2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22110085	Nguyễn Minh	Khoa					9	5	Chín năm	
27	22110088	Thân Trọng Anh	Khoa				1	0	0	Mười không	
28	22110089	Nguyễn Minh	Khôi					6	5	Sáu năm	
29	22110091	Huỳnh Trung	Kiên					6	5	Sáu năm	
30	22110092	Nguyễn Thanh	Kiên					8	0	Tám không	
31	22110093	Trần Trọng	Kiên					8	0	Tám không	
32	22110095	Châu Gia	Kiệt					9	0	Chín không	
33	22110096	Trương Hồng	Kiệt				1	0	0	Mười không	
34	22110097	Võ Tuấn	Kiệt					8	5	Tám năm	
35	22110098	Trần Thị Mỹ	Kim					9	0	Chín không	
36	22110099	Nguyễn Trí	Lâm					8	5	Tám năm	
37	22110100	Nguyễn Võ Đức	Lâm					8	0	Tám không	
38	22110102	Đoàn Thị Ngọc	Lan					8	5	Tám năm	
39	22110103	Hoàng Thuý	Linh					8	5	Tám năm	
40	22110105	Nguyễn Thị Yến	Linh					8	5	Tám năm	
41	22110106	Trương Trần Phúc	Linh					7	5	Bảy năm	
42	22110107	Nguyễn Đặng Hoàng	Long					8	0	Tám không	
43	22110110	Quách Vũ	Luân					7	0	Bảy không	
44	22110112	Cao Kiều Diệu	Ly					9	0	Chín không	
45	22110113	Nguyễn Minh	Mẫn					9	0	Chín không	
46	22110114	Đỗ Đức	Mạnh					7	0	Bảy không	
47	22110115	Nguyễn Thị	Mây					9	0	Chín không	
48	22110117	Phan Nguyễn Tuấn	Minh				1	0	0	Mười không	
49	22110118	Vũ Diệu	Minh				1	0	0	Mười không	
50	22110119	Lê Thị Tuyết	Mơ					9	0	Chín không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1).....Chữ ký:	1).....Chữ ký:	1).....Chữ ký:
2).....Chữ ký:	2).....Chữ ký:	2).....Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000879

Tên học phần: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã học phần: **BAA00104**

Lớp: **22TTH2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22110120	Nguyễn Xuân	Mỹ			☐		9	0	Chín không	
52	22110121	Đinh Trần Thuận	Nam			☐		7	0	Bảy không	
53	22110122	Đỗ Nhật	Nam			☐		9	5	Chín năm	
54	22110123	Lê Nguyễn Đức	Nam			☐		8	5	Tám năm	
55	22110124	Lê Thị Kim	Nga			☐		8	5	Tám năm	
56	22110125	Phan Thị Thủy	Nga			☐		8	5	Tám năm	
57	22110126	Nguyễn Thanh	Ngân			☐		8	0	Tám không	
58	22110128	Nguyễn Thị Kim	Ngân			☐		8	5	Tám năm	
59	22110129	Trần Thị Kim	Ngân			☐		9	0	Chín không	
60	22110130	Phạm Văn	Nghĩa			☐	1	0	0	Mười không	
61	22110131	Phan Minh	Nghĩa			☐		8	0	Tám không	
62	22110132	Phan Quốc	Nghĩa			☐		9	0	Chín không	
63	22110135	Ngô Kim	Ngọc			☐		8	5	Tám năm	
64	22110136	Trần Tiểu	Ngọc			☐		6	5	Sáu năm	
65	22110137	Trần Thiện	Nguyên			☐		8	5	Tám năm	
66	22110138	Võ Hoàng	Nguyên			☐		8	0	Tám không	
67	22110139	Võ Ngọc Ánh	Nguyên			☐		2	0	Hai không	
68	22110140	Lương Trọng	Nhân			☐		9	5	Chín năm	
69	22110145	Lê Vũ Uyển	Nhi			☐		6	5	Sáu năm	
70	22110146	Lý Mẫn	Nhi			☐		7	5	Bảy năm	
71	22110147	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi			☐		8	0	Tám không	
72	22110148	Nguyễn Thùy Uyên	Nhi			☐		8	0	Tám không	
73	22110150	Lê Thị Cẩm	Nhung			☐		8	5	Tám năm	
74	22110151	Lê Thị Thùy	Nhung			☐		7	0	Bảy không	
75	22110153	Dương Hoàng	Phát			☐		8	5	Tám năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1).....Chữ ký: 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Đinh Thị Châu</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000880

Tên học phần: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã học phần: **BAA00104**

Lớp: **22TTH2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	22110154	Nguyễn Thanh	Phong					6	0	Sáu không	
77	22110155	Trần Nguyễn Thanh	Phong					8	0	Tám không	
78	22110156	Trần Võ Nhật	Phong					8	0	Tám không	
79	22110157	Hồ Thanh	Phú				1	0	0	Mười không	
80	22110158	Trần Châu	Phú					8	0	Tám không	
81	22110159	Trần Phong	Phú					8	0	Tám không	
82	22110160	Lê Hoàng	Phúc					6	5	Sáu năm	
83	22110161	Lưu Hoàng	Phúc					6	5	Sáu năm	
84	22110162	Trương Hữu	Phúc					7	5	Bảy năm	
85	22110163	Võ Hoàng	Phúc					7	5	Bảy năm	
86	22110165	Trần Đình	Phước					7	5	Bảy năm	
87	22110166	Ngô Quốc	Phương					7	0	Bảy không	
88	22110167	Đoàn Văn	Quan				1	0	0	Mười không	
89	22110168	Đặng Viết Minh	Quân					2	0	Hai không	
90	22110169	Hồ Đắc	Quân					8	5	Tám năm	
91	22110170	Hồ Minh	Quân					8	0	Tám không	
92	22110171	Trà Minh	Quân					7	5	Bảy năm	
93	22110172	Trương Minh	Quân					7	0	Bảy không	
94	22110174	Lê Trọng	Quang					9	5	Chín năm	
95	22110175	Nguyễn Bửu Đăng	Quang					8	5	Tám năm	
96	22110176	Nguyễn Xuân	Quang					7	0	Bảy không	
97	22120014	Nguyễn Hoàng	Anh					7	5	Bảy năm	
98	22120072	Nguyễn Anh	Dũng					7	5	Bảy năm	
99	22120092	Trần Hà Lê	Hân					2	0	Hai không	
100	22120295	Hồ Minh	Quang					7	5	Bảy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1).....Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232000881

Tên học phần: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã học phần: **BAA00104**

Lớp: **22TTH2**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	22140013	Lê Trâm	Anh					8	0	Tám không	
102	22140044	Trần Đại	Dương				1	0	0	Mười không	
103	22140120	Nguyễn Thị Kiều	My					8	5	Tám năm	
104	22140192	Nguyễn Thị Thanh	Thảo					6	5	Sáu năm	
105	22140195	Phan Tiên	Thêm					7	0	Bảy không	
106	22140223	Hồ Ngọc	Triệu					8	0	Tám không	
107	22140234	Phan Ngọc Hương	Tuyền					8	0	Tám không	
108	22170017	Vũ Ngọc Kiều	Duyên					8	0	Tám không	
109	22170025	Trần Thị Tú	Huệ				1	0	0	Mười không	
110	22170028	Nguyễn Phương	Khanh					7	5	Bảy năm	
111	22180015	Nguyễn Văn Thế	Anh					8	5	Tám năm	
112	22180034	Võ Minh	Đăng					9	5	Chín năm	
113	22180035	Đặng Bùi Quốc	Đạt					8	5	Tám năm	
114	22180044	Nguyễn Phúc Thiện	Duyên					8	5	Tám năm	
115	22180061	Nguyễn Thị	Hiền					8	5	Tám năm	
116	22180074	Trần Hoàng	Huy					8	5	Tám năm	
117	22230001	Ngô Thừa	Ân					9	0	Chín không	
118	22250010	Đặng Anh	Đức					8	5	Tám năm	
119	22250012	Đỗ Khánh	Duy					8	5	Tám năm	
120	22250014	Lê Phạm Lan	Hà					7	0	Bảy không	
121	22250032	Thái Bội	Nghi					9	0	Chín không	
122	22250050	Nguyễn Thị Phước	Thọ					8	5	Tám năm	
123	22250051	Trần Quang	Thuận					0	0	Chín không	
124											
125											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Họ, tên:

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Chữ ký:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001338

Tên học phần: **Thực vật học**

Mã học phần: **BIO10004**

Lớp: **21SHH1**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	1715160	Dương Quang	Khải		<i>K</i>	☐		6	0	Sáu không	361
2	18150105	Lê Nguyễn Ngân	Giang		<i>G</i>	☐		2	3	Hai ba	480
3	18150184	Lê Văn Bảo	Long		<i>Long</i>	☐		7	3	Bảy ba	361
4	18150303	Lương Hoài	Thi		<i>Thi</i>	☐		3	8	Ba tám	480
5	18150305	Phan Ngọc Hoàng	Thiện		<i>Thien</i>	☐		6	5	Sáu năm	361
6	18150319	Nguyễn Minh	Thư		<i>Thư</i>	☐		3	3	Ba ba	480
7	19150035	Đỗ Thị Hồng	Ân		<i>Hong An</i>	☐		4	3	Bốn ba	361
8	19150172	Trần Thị Thu	Quyên		<i>Thu</i>	☐		7	0	Bảy không	480
9	19150265	Trần Thị Bé	Út		<i>Thi</i>	☐		4	5	Bốn năm	361
10	19150282	Vương Đình Mai	Anh			☒					
11	19150332	Hồ Đăng Thảo	Hiền		<i>Thao</i>	☐		5	0	Năm không	216
12	19150333	Nguyễn Thị	Hiền		<i>Thien</i>	☐		4	3	Bốn ba	139
13	19150370	Nguyễn Phạm Khánh	Linh		<i>Khánh</i>	☐		4	3	Bốn ba	216
14	19150421	Nguyễn Hoàng	Phúc		<i>Hoang</i>	☐		6	0	Sáu không	139
15	19150462	Hồ Quang	Thông		<i>Thong</i>	☐		3	3	Ba ba	216
16	19150534	Hoàng Thị	Yến		<i>Yen</i>	☐		3	5	Ba năm	139
17	20150027	Lê Nguyễn Ngọc	Hân		<i>Thao</i>	☐		8	5	Tám năm	216
18	20150036	Nguyễn Lâm Chí	Huy		<i>Huy</i>	☐		4	3	Bốn ba	361
19	20150053	Lê Thị Ngọc	Mai		<i>Thao</i>	☐		4	5	Bốn năm	139
20	20150110	Huỳnh Thị Tuyết	Anh		<i>Thao</i>	☐		6	0	Sáu không	216
21	20150114	Nguyễn Hữu Tuyết	Anh		<i>Thao</i>	☐		6	0	Sáu không	139
22	20150147	Vũ Thị Thu	Hiền		<i>Thi</i>	☐		5	8	Năm tám	480
23	20150159	Đỗ Thị Thu	Huyền		<i>Thao</i>	☐		5	0	Năm không	216
24	20150160	Võ Thị Ngọc	Huyền		<i>Thao</i>	☐		5	5	Năm năm	480
25	20150169	Vũ Minh Đăng	Khoa		<i>Thao</i>	☐		5	8	Năm tám	216

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Ngọc</i> 1) <i>Nguyễn Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>Thao</i> 2) <i>Lê Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>Thao</i>	Họ, tên: <i>Lưu Thị Thanh Nhân</i> Chữ ký: <i>Thao</i>	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001339

Tên học phần: **Thực vật học**Mã học phần: **BIO10004**Lớp: **21SHH1**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20150172	Cao Nguyễn	Khuyến			☐		6	5	Sáu năm	480
27	20150180	Nguyễn Thị Mỹ	Linh			☐		5	0	Năm không	216
28	20150187	Huỳnh Thanh	Mai			☐		4	8	Bốn tám	480
29	20150193	Cao Thanh	Mi			☐		7	3	Bảy ba	216
30	20150199	Trần Hoàng	Minh			☐		6	0	Sáu không	361
31	20150206	Lý Kim	Ngân			☐		3	0	Ba không	216
32	20150215	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc			☐		6	0	Sáu không	480
33	20150216	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc			☐		5	0	Năm không	139
34	20150222	Khẩu Ý	Nhi			☐		5	8	Năm tám	480
35	20150240	Nguyễn Minh	Phi			☐		5	0	Năm không	139
36	20150243	Hoàng Thị Hồng	Phương			☐		4	0	Bốn không	361
37	20150253	Trần Xuân	Quỳnh			☐		3	5	Ba năm	139
38	20150255	Phạm Hồng	Sao			☐		3	0	Ba không	361
39	20150258	Trần Thị Thanh	Tâm			☒					
40	20150259	Nguyễn Hồng	Thắng			☐		4	0	Bốn không	361
41	20150263	Huỳnh Thị Thu	Thảo			☐		4	0	Bốn không	139
42	20150267	Lê Kiều	Thiện			☐		5	3	Năm ba	361
43	20150269	Hồ Thị Kim	Thoa			☐		4	5	Bốn năm	216
44	20150272	Nguyễn Minh	Thư			☐		5	0	Năm không	139
45	20150283	Nguyễn Thị Minh	Trang			☐		4	0	Bốn không	216
46	20150290	Trương Nhã	Trúc			☐		4	3	Bốn ba	361
47	20150292	Văng Thị Mỹ	Tú			☐		5	3	Năm ba	480
48	20150296	Nguyễn Kế	Tường			☐		3	0	Ba không	139
49	20150297	Hồ Thanh	Tuyền			☐		7	0	Bảy không	216
50	20150302	Nguyễn Thị Như	Uyên			☐		4	8	Bốn tám	361

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Đỗ Thị Nga</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Lê Quý Bình</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Lưu Thị Thanh Nhân</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



22232001340

Tên học phần: **Thực vật học**Mã học phần: **BIO10004**Lớp: **21SHH1**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	21150012	Lê Ngọc Nguyên	Anh		<i>anh</i>			6	5	Sáu năm	480
52	21150014	Nguyễn Ngọc	Anh		<i>anh</i>			8	8	Tám tám	139
53	21150017	Phạm Dương Đức	Anh		<i>anh</i>			3	8	Ba tám	480
54	21150025	Phan Trần Thái	Bình		<i>thai</i>			4	8	Bốn tám	139
55	21150031	Dư Nhất	Đoan		<i>thai</i>			7	8	Bảy tám	216
56	21150033	Trần Quang	Dương		<i>quang</i>			5	5	Năm năm	361
57	21150048	Trịnh Ngọc	Hân		<i>han</i>			6	3	Sáu ba	480
58	21150067	Đặng Tiểu	Long		<i>long</i>			8	0	Tám không	139
59	21150070	Đinh Thùy Khánh	Mai		<i>mai</i>			8	0	Tám không	216
60	21150076	Dương Kim	Ngân		<i>ngan</i>			9	0	Chín không	361
61	21150088	Nguyễn Thái Tường	Nhi		<i>thai</i>			4	8	Bốn tám	480
62	21150090	Phạm Thị Kiều	Nhi		<i>thai</i>			7	0	Bảy không	139
63	21150096	Đỗ Lê	Quang		<i>le</i>			4	5	Bốn năm	139
64	21150112	Lê Mỹ	Thương		<i>my</i>			6	0	Sáu không	216
65	21150123	Nguyễn Cẩm	Tú		<i>tu</i>			5	3	Năm ba	361
66	21150125	Nguyễn Ánh	Tuyết		<i>anh</i>			5	5	Năm năm	480
67	21150127	Huỳnh Nguyễn Gia	Vinh		<i>gia</i>			5	0	Năm không	139
68	21150133	Trần Thị Như	Ý		<i>thai</i>			5	3	Năm ba	216
69	21150134	Hoàng Thị	Yên		<i>thai</i>			4	5	Bốn năm	361
70	21150135	Phạm Đình	An		<i>thai</i>			4	8	Bốn tám	480
71	21150136	Trần Tiến	Ân		<i>thai</i>			6	0	Sáu không	139
72	21150137	Bùi Hoàng	Anh		<i>thai</i>			4	8	Bốn tám	216
73	21150138	Đặng Trần Quế	Anh		<i>thai</i>			8	5	Tám năm	361
74											
75											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>nguyen</i> 2) <i>Lưu Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>nguyen</i>	Họ, tên: <i>Lưu Thị Thanh Nhân</i> Chữ ký: <i>thanh</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001341

Tên học phần: **Thực vật học**Mã học phần: **BIO10004**Lớp: **21SHH1**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	21150139	Đào Duy Song	Anh			☐		7	8	bảy tám	361
2	21150140	Lê Tuấn	Anh			☐		4	3	bốn ba	480
3	21150141	Lương Văn	Anh			☐		5	3	Năm ba	139
4	21150144	Nguyễn Hà Trang	Anh			☐		6	5	Sáu năm	216
5	21150145	Nguyễn Minh	Anh			☐		7	0	Bảy không	361
6	21150146	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Anh			☐		5	5	Năm năm	480
7	21150148	Nguyễn Thị Mai	Anh			☐		9	5	Chín năm	139
8	21150150	Trần Tuấn	Anh			☐		3	3	Ba ba	216
9	21150152	Vũ Thị Vân	Anh			☐		5	5	Năm năm	361
10	21150153	Nguyễn Thị Hồng	Ánh			☐		4	3	Bốn ba	480
11	21150157	Bùi Lê Gia	Bào			☐		7	3	Bảy ba	139
12	21150161	Trần Quốc	Bào			☐		4	8	Bốn tám	216
13	21150165	Nguyễn Tiến	Đạt			☐		4	3	Bốn ba	361
14	21150166	Quách Hữu	Đạt			☐		4	5	Bốn năm	480
15	21150167	Trương Quang	Đạt			☐		5	8	Năm tám	139
16	21150168	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm			☐		4	5	Bốn năm	216
17	21150171	Phạm	Đình			☐		6	8	Sáu tám	361
18	21150173	Nguyễn Quốc	Dũng			☐		5	0	Năm không	480
19	21150174	Đặng Thị Thùy	Dương			☐		6	8	Sáu tám	139
20	21150175	Hoàng Văn	Dương			☐		5	8	Năm tám	216
21	21150178	Nguyễn Ánh	Dương			☐		3	8	Ba tám	361
22	21150180	Mai Lương Đức	Duy			☐		5	5	Năm năm	480
23	21150181	Nguyễn Công Khánh	Duy			☐		6	0	Sáu không	139
24	21150184	Nguyễn Hương	Giang			☐		7	0	Bảy không	216
25	21150186	Ngô Thị Thanh	Hà			☐		3	8	Ba tám	361

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Lưu Thị Thanh Nhân</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001342

Tên học phần: **Thực vật học**Mã học phần: **BIO10004**Lớp: **21SHH1**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21150187	Vũ Thị Xuân	Hà			☐		6	0	Sáu không	480
27	21150188	Đặng Gia	Hân			☐		7	3	Bảy ba	139
28	21150190	Lê Gia	Hân			☐		4	3	Bốn ba	216
29	21150191	Lê Ngọc	Hân			☐		4	5	Bốn năm	361
30	21150196	Trần Thị Ngọc	Hân			☐		6	5	Sáu năm	480
31	21150198	Nguyễn Thị Thu	Hằng			☐		7	0	Bảy không	139
32	21150201	Võ Kim	Hậu			☐		4	0	Bốn không	216
33	21150202	Nguyễn Thị Thu	Hiền			☐		4	3	Bốn ba	361
34	21150205	Trần Lưu Đức	Hiền			☐		5	8	Năm tám	480
35	21150206	Trương Hà Khải	Hoàn			☐		9	0	Chín không	139
36	21150209	Hồ Thụy Thiên	Hương			☐		5	8	Năm tám	216
37	21150211	Huỳnh Ngọc Thiên	Hương			☐		5	5	Năm năm	361
38	21150214	Nguyễn Võ Hoàng Văn	Hữu			☐		1	8	Một tám	480
39	21150215	Huỳnh Quốc	Huy			☐		6	0	Sáu không	139
40	21150216	Lưu Gia	Huy			☐		6	8	Sáu tám	216
41	21150219	Châu Hoàng Lê	Huyền			☐		8	8	Tám tám	361
42	21150222	Đỗ Việt	Kha			☐		8	0	Tám không	480
43	21150223	Huỳnh Hoàng	Khang			☐		7	0	Bảy không	139
44	21150225	Trần Tuấn	Khanh			☐		6	5	Sáu năm	216
45	21150226	Nguyễn Thị Kim	Khánh			☐		6	0	Sáu không	361
46	21150227	Đặng Lê Đăng	Khoa			☐		4	8	Bốn tám	480
47	21150228	Lê Nguyễn Tuấn	Khoa			☐		8	0	Tám không	139
48	21150230	Phạm Đăng	Khoa			☐		4	5	Bốn năm	216
49	21150232	Trần Vũ Đăng	Khoa			☐		5	8	Năm tám	361
50	21150233	Đỗ Minh	Khôi			☐		3	5	Ba năm	480

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001343

Tên học phần: **Thực vật học**

Mã học phần: **BIO10004**

Lớp: **21SHH1**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	21150234	Phạm Minh	Khương		<i>Khương</i>	☐		6	5	Sáu năm	361
52	21150235	Huỳnh Lê Anh	Kiệt		<i>82</i>	☐		9	0	Chín không	480
53	21150242	Nguyễn Thùy	Linh		<i>Thùy</i>	☐		5	0	Năm không	139
54	21150243	Nguyễn Võ Ngọc	Linh		<i>Ngọc</i>	☐		5	0	Năm không	216
55	21150244	Trương Thị Ngọc	Linh		<i>Ngọc</i>	☐		8	8	Tám tám	361
56	21150245	Lâm Thiên	Lộc		<i>Lâm</i>	☐		6	8	Sáu tám	480
57	21150246	Huỳnh Phi	Long		<i>Phi</i>	☐		8	0	Tám không	216
58	21150247	Lê Thị Ngọc	Mai		<i>Ngọc</i>	☐		6	5	Sáu năm	139
59	21150250	Nguyễn Hoàng	Minh		<i>Hoàng</i>	☐		3	3	Ba ba	361
60	21150255	Trần Hoàng	Minh		<i>Trần</i>	☐		4	8	Bốn tám	480
61	21150258	Nguyễn Thị Trà	My		<i>Trà</i>	☐		5	0	Năm không	139
62	21150259	Đỗ Kim	Mỹ		<i>Kim</i>	☐		5	8	Năm tám	216
63	21150260	Dương Hải	Nam			☒					
64	21150262	Lê Thảo	Ngân		<i>Thảo</i>	☐		7	5	Bảy năm	361
65	21150263	Lê Thị Kim	Ngân		<i>Kim</i>	☐		7	5	Bảy năm	216
66	21150265	Nguyễn Huỳnh Thị Kim	Ngân		<i>Thị Kim</i>	☐		3	3	Ba ba	139
67	21150269	Võ Thị	Ngân		<i>Thị</i>	☐		5	8	Năm tám	361
68	21150286	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi		<i>Ngọc</i>	☐		8	8	Tám tám	480
69	21150296	Huỳnh Bùi Tuyết	Nhung		<i>Bùi</i>	☐		4	0	Bốn không	139
70	21150309	Trương Mỹ	Phương		<i>Mỹ</i>	☐		4	5	Bốn năm	361
71	21150310	Võ Hà Mai	Phương		<i>Hà</i>	☐		5	3	Năm ba	216
72	21150343	Trịnh Thanh	Thảo		<i>Thanh</i>	☐		4	0	Bốn không	480
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Lê Thị Thanh Hương</i> 1) <i>Lê Thị Thanh Hương</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>Phạm Văn Quốc Việt</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Lê Thị Thanh Nhân</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Blank]</i> Chữ ký: <i>[Blank]</i>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001344

Tên học phần: **Thực vật học**Mã học phần: **BIO10004**Lớp: **21SHH2**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	21150314	Nguyễn Lê	Quyên			☐		6	5	Sáu năm	480
2	21150315	Lê Hồ Như	Quỳnh			☐		6	5	Sáu năm	139
3	21150316	Lê Nguyễn Diễm	Quỳnh			☐		5	3	Năm ba	216
4	21150320	Trịnh Lê Như	Quỳnh			☐		6	0	Sáu không	361
5	21150322	Võ Hữu	Tài			☐		6	0	Sáu không	480
6	21150324	Đinh Ngọc Tri	Tâm			☐		4	5	Bốn tám	139
7	21150326	Trần Thị	Tâm			☐		5	0	Năm không	216
8	21150327	Chu Văn	Tân			☐		4	8	Bốn tám	361
9	21150328	Phạm Nguyễn Duy	Tân			☐		5	3	Năm ba	480
10	21150329	Trần Nguyễn Thiên	Tân			☐		4	5	Bốn năm	139
11	21150331	Đỗ Minh	Thái			☐		5	5	Năm năm	216
12	21150332	Lê Hoàng	Thái			☐		4	8	Bốn tám	361
13	21150333	Lưu Châu Ánh	Thắm			☐		5	8	Năm tám	480
14	21150337	Tổng Thanh	Thanh			☐		5	5	Năm năm	139
15	21150338	Trần Thị Mỹ	Thanh			☐		4	8	Bốn tám	216
16	21150340	Nguyễn Ngọc Hương	Thảo			☐		6	0	Sáu không	361
17	21150341	Nguyễn Thanh	Thảo			☐		5	3	Năm ba	480
18	21150342	Tô Ngọc Thanh	Thảo			☐		4	5	Bốn năm	139
19	21150344	Nguyễn Tuyết	Thi			☐		5	8	Năm tám	216
20	21150346	Lê Anh	Thơ			☐		4	8	Bốn tám	361
21	21150348	Huỳnh Anh	Thư			☐		5	0	Năm không	480
22	21150349	Phạm Minh	Thư			☐		4	5	Bốn năm	139
23	21150350	Trần Đặng Anh	Thư			☐		4	3	Bốn ba	139
24	21150351	Võ Đào Anh	Thư			☐		6	8	Sáu tám	216
25	21150354	Nguyễn Hiếu	Thuận			☐		3	5	Ba năm	361

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Lê Thị Thuim</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Nguyễn Ngọc Tiến</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Lưu Thị Thanh Nhân</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001345

Tên học phần: **Thực vật học**

Mã học phần: **BIO10004**

Lớp: **21SHH2**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21150355	Trần Ngọc	Thuận		<i>Thuan</i>	☐		6	8	Sáu tám	480
27	21150356	Lê Bảo Hoài	Thương		<i>BH</i>	☐		6	0	Sáu không	139
28	21150357	Nguyễn Thị Thu	Thủy		<i>Thu</i>	☐		6	0	Sáu không	216
29	21150358	Hồ Mỹ	Thy		<i>Thy</i>	☐		4	8	Bốn tám	361
30	21150361	Võ Ngọc	Toàn		<i>Ngoc</i>	☐		5	0	Năm không	480
31	21150362	Đỗ Thị Ngọc	Trâm		<i>DTN</i>	☐		6	0	Sáu không	139
32	21150365	Nguyễn Hoàng Phương	Trang		<i>Trang</i>	☐		4	5	Bốn năm	216
33	21150366	Võ Đoan	Trang		<i>Trang</i>	☐		7	3	Bảy ba	361
34	21150367	Bùi Minh Phương	Trình		<i>BMF</i>	☐		6	5	Sáu năm	480
35	21150368	Dương Quốc	Trọng		<i>DQ</i>	☐		4	8	Bốn tám	139
36	21150369	Nguyễn Thanh	Trúc		<i>NT</i>	☐		5	3	Năm ba	216
37	21150372	Nguyễn Thị Kim Bích	Tuyền		<i>NTKB</i>	☐		5	5	Năm năm	361
38	21150375	Trần Ngọc Phương	Uyên		<i>TNP</i>	☐		7	5	Bảy năm	480
39	21150378	Ngô Thị Yến	Vi		<i>NTY</i>	☐		3	8	Ba tám	139
40	21150381	Trần Vũ Quang	Vinh		<i>TWQ</i>	☐		3	8	Ba tám	216
41	21150382	Lương Thu	Vịnh		<i>LTH</i>	☐		9	0	Chín không	361
42	21150384	Hồ Thiện	Vương		<i>HT</i>	☐		9	5	Chín không	480
43	21150386	Lê Trần Thảo	Vy		<i>LT</i>	☐		7	3	Bảy ba	139
44	21150391	Phan Huỳnh Khánh	Vy		<i>PHK</i>	☐		7	8	Bảy tám	216
45	21150392	Thiều Ngọc	Vy		<i>TN</i>	☐		8	0	Tám không	361
46	21150393	Trần Ngọc Bích	Vy		<i>TNB</i>	☐		4	0	Bốn không	480
47	21150394	Trần Ngọc Khánh	Vy		<i>TNK</i>	☐		7	5	Bảy năm	139
48	21150395	Trương Nhật	Mai		<i>TN</i>	☐		7	3	Bảy ba	216
49	21150396	Võ Thành	Đạt		<i>VT</i>	☐		3	3	Ba ba	361
50	21150397	Dương Thi	Mẫn		<i>DT</i>	☐		2	8	Hai tám	480

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Thị Thuần</i> Chữ ký: <i>LT</i> 2) <i>Nguyễn Ngọc Tiến</i> Chữ ký: <i>NT</i>	Họ, tên: <i>Lê Thị Thanh Nhân</i> Chữ ký: <i>LT</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001346

Tên học phần: **Thực vật học**Mã học phần: **BIO10004**Lớp: **21SHH2**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	18150312	Võ Thị Kim	Thôi		Thi			4	8	Bốn tám	361
2	19150065	Nguyễn Hữu	Đức		Đức			6	8	Sáu tám	361
3	19150149	Trương Ngọc Yến	Nhi		Nhi			7	0	Bảy không	139
4	19150235	Huỳnh Khổng Minh	Tuấn		Tuấn			6	0	Sáu không	361
5	19150272	Lê Ngọc Quế	Anh		Anh			8	3	Tám ba	139
6	19150277	Nguyễn Thị Kim	Anh		Anh			9	5	Chín năm	216
7	19150293	Phan Thị Mỹ	Chinh		Chinh			8	0	Tám không	480
8	19150390	Nguyễn Kim	Ngân		Ngân			4	8	Bốn tám	361
9	19150415	Nguyễn Minh	Nhật		Nhật			4	3	Bốn ba	480
10	19150431	Lê Văn	Quân		Quân			4	3	Bốn ba	139
11	19150441	Đỗ Linh	San		San			3	8	Ba tám	216
12	19150465	Lê Thị Yến	Thư		Thư			5	0	Năm không	361
13	19150520	Huỳnh Thế	Vĩ		Vĩ			3	5	Ba năm	480
14	20150005	Nguyễn Trần Dương Hồng	Ngọc		Ngọc			6	0	Sáu không	139
15	20150035	Võ Đắc	Hùng		Hùng			4	8	Bốn tám	480
16	20150038	Trần Đức	Huy		Huy			6	0	Sáu không	216
17	20150040	Phan Nguyễn Kim	Khánh								
18	20150051	Lê Kim	Long		Long			5	8	Năm tám	361
19	20150055	Phạm Huỳnh Thanh	Ngân		Ngân			6	0	Sáu không	216
20	20150064	Hoàng	Oanh		Oanh			2	5	Hai năm	216
21	20150080	Nguyễn Ngọc Anh	Thư		Thư			8	8	Tám tám	139
22	20150096	Mai Bùi Thảo	Vân		Vân			4	0	Bốn không	480
23	20150099	Trần Ngọc	Vy		Vy			6	5	Sáu năm	361
24	20150101	Hoàng Nguyễn Hải	Anh		Anh			2	8	Hai tám	216
25	20150102	Nguyễn Hồ Á	Châu								

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Anh</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Anh</i>	1) <i>Lưu Thị Thanh Nhân</i>	Chữ ký: <i>Lưu Thị Thanh Nhân</i>		
2) <i>Nguyễn Anh</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Anh</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001347

Tên học phần: **Thực vật học**

Mã học phần: **BIO10004**

Lớp: **21SHH2**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	20150105	Kiều Từ Thiên	Thái					4	3	Bốn ba	139
27	20150111	Lê Ngọc	Anh					6	5	Sáu năm	480
28	20150112	Lưu Quỳnh Trâm	Anh					3	5	Ba năm	361
29	20150117	Nguyễn Tú	Anh					4	8	Bốn tám	480
30	20150119	Nguyễn Trương Ngọc	Ánh					5	5	Năm năm	361
31	20150121	Nguyễn Thị Cẩm	Bình					5	0	Năm không	480
32	20150125	Trịnh Hữu Trúc	Đào					3	0	Ba không	361
33	20150131	Nguyễn Khánh	Duy					3	8	Ba tám	480
34	20150135	Nguyễn Thị Thu	Hà					7	8	Bảy tám	216
35	20150136	Bùi Thụy Vỹ	Hạ					5	5	Năm năm	139
36	20150137	Nguyễn Nhật	Hạ					7	3	Bảy ba	216
37	20150141	Bùi Thị Mỹ	Hạnh					4	0	Bốn không	139
38	20150143	Nguyễn Như	Hào					6	3	Sáu ba	216
39	20150145	Phạm Thị Thu	Hiền								
40	20150146	Trang Thanh	Hiền					3	8	Ba tám	216
41	20150157	Cao Thị	Hương					5	8	Năm tám	480
42	20150158	Nguyễn Hữu Minh	Huy					3	8	Ba tám	361
43	20150170	Từ Minh	Khôi					3	3	Ba ba	480
44	20150175	Trương Ngọc	Lễ					7	3	Bảy ba	361
45	20150184	Đinh Thị	Lương					4	5	Bốn năm	480
46	20150186	Trần Hoàng Lưu	Ly					3	3	Ba ba	361
47	20150188	Huỳnh Thị Thanh	Mai					5	5	Năm năm	480
48	20150190	Phạm Lê Nhật	Mai					4	3	Bốn ba	139
49	20150192	Nguyễn Uyên Châu	Mẫn					5	3	Năm ba	139
50	20150208	Nguyễn Phan Bảo	Ngân					5	0	Năm không	216

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1)	Chữ ký:	Chữ ký:
2)	Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001348

Tên học phần: **Thực vật học**

Mã học phần: **BIO10004**

Lớp: **21SHH2**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	20150212	Nguyễn Thanh	Nghi		<i>Thanh</i>	☐		3	5	Ba năm	139
52	20150214	An Thị Bích	Ngọc		<i>An</i>	☐		2	5	Hai năm	216
53	20150221	Trần Thanh	Nhã		<i>Trần</i>	☐		5	5	Năm năm	159
54	20150231	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên		<i>Nh</i>	☐		5	3	Năm ba	216
55	20150232	Chung Huỳnh	Như			☒					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Tiến Dũng</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>	1) <i>Lưu Thị Thanh Nhân</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>		
2) <i>Nguyễn Thị Anh</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001349

Tên học phần: **Thực vật học**

Mã học phần: **BIO10004**

Lớp: **21SHH2**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	20150238	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		<i>lkh</i>	☐		9	0	Chín không	480
2	20150247	Lê Quang Phú	Quý		<i>Qu</i>	☐		4	8	Bốn tám	139
3	20150257	Liên Thị Minh	Tâm		<i>lm</i>	☐		3	0	Ba không	480
4	20150265	Nguyễn Thanh	Thảo			☒					
5	20150266	Nguyễn Thị Trúc	Thi		<i>ztkh</i>	☐		4	8	Bốn tám	480
6	20150268	Nguyễn Anh	Thơ		<i>van</i>	☐		6	3	Sáu ba	139
7	20150273	Nguyễn Thị Minh	Thùy		<i>Thuy</i>	☐		3	5	Ba năm	480
8	20150276	Mai Yến	Thy		<i>Thy</i>	☐		3	8	Ba tám	139
9	20150279	Tô Thanh	Toàn		<i>ts</i>	☐		8	8	Tám tám	480
10	20150284	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		<i>Trang</i>	☐		5	3	Năm ba	139
11	20150293	Dương Hoàng Quốc	Tuấn		<i>Tuấn</i>	☐		4	8	Bốn tám	480
12	20150298	Trần Thị Kim	Tuyền		<i>ts</i>	☐		3	5	Ba năm	361
13	20150300	Lê Thị Lệ	Tuyết			☒					
14	20150309	Nguyễn Trần Phương	Vy		<i>ph</i>	☐		4	8	Bốn tám	361
15	20150310	Nguyễn Võ Ái	Vy		<i>Vy</i>	☐		3	8	Ba tám	216
16	20150311	Vũ Thị Tường	Vy		<i>Vy</i>	☐		7	0	Bảy không	361
17	20150316	Phạm Mai Bảo	Trần		<i>ph</i>	☐		4	5	Bốn năm	216
18	21150154	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		<i>set</i>	☐		4	8	Bốn tám	361
19	21150156	Nguyễn Diệp	Băng		<i>ph</i>	☐		7	5	Bảy năm	216
20	21150172	Đinh Viết Từ	Đức		<i>dt</i>	☐		5	8	Năm tám	361
21	21150179	Nguyễn Phúc Hải	Dương		<i>ph</i>	☐		5	0	Năm không	216
22	21150193	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân		<i>han</i>	☐		7	0	Bảy không	361
23	21150236	Vũ Gia	Kiệt		<i>gia</i>	☐		3	8	Ba tám	139
24	21150239	Hồ Nguyễn Yến	Lan		<i>hu</i>	☐		6	5	Sáu năm	480
25	21150241	Nguyễn Phan Thùy	Linh		<i>ph</i>	☐		4	3	Bốn ba	139

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Bùi Thị An</i>	Họ, tên: <i>Lưu Thị Thanh Nhân</i>	Họ, tên:
1) <i>Bùi Thị An</i> Chữ ký: <i>ph</i>	Chữ ký: <i>ph</i>	Chữ ký:
2) <i>Lê Đình Anh Vũ</i> Chữ ký: <i>ph</i>		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001350

Tên học phần: **Thực vật học**Mã học phần: **BIO10004**Lớp: **21SHH2**Ngày thi: **24/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21150248	Võ Thanh	Mai		Mai			6	3	Sáu ba	480
27	21150251	Nguyễn Quế	Minh		Minh			5	5	Năm năm	139
28	21150253	Phan Nhật	Minh		Phan			6	0	Sáu không	480
29	21150256	Trần Ngọc Phương	Minh		Minh			5	8	Năm tám	139
30	21150257	Nguyễn Thị Kiều	My		My			5	8	Năm tám	480
31	21150264	Nguyễn Bảo	Ngân		Bao			5	5	Năm năm	139
32	21150266	Nguyễn Thị Trúc	Ngân		Ph			5	8	Năm tám	480
33	21150267	Phạm Võ Khánh	Ngân		Phan			6	5	Sáu năm	139
34	21150275	Nguyễn Minh	Nguyệt		nguyet			4	8	Bốn tám	216
35	21150276	Nguyễn Thị Thanh	Nhã		Nhã			4	5	Bốn năm	361
36	21150277	Mai Thanh	Nhân		Nh			5	5	Năm năm	216
37	21150278	Phan Hữu	Nhân		Ph			5	5	Năm năm	361
38	21150280	Huỳnh Bảo Yến	Nhi		Nh			6	5	Sáu năm	216
39	21150281	La Đoàn Uyên	Nhi		La			5	0	Năm không	361
40	21150282	Lê Ngọc Lan	Nhi		Lan			5	5	Năm năm	216
41	21150285	Nguyễn Dương Uyên	Nhi		Nh			6	8	Sáu tám	361
42	21150289	Trần Dương Yến	Nhi		Yen			6	5	Sáu năm	216
43	21150290	Trịnh Thụy Tâm	Nhi		Tr			4	8	Bốn tám	361
44	21150297	Nguyễn Phạm Yến	Oanh		Oanh			5	8	Năm tám	216
45	21150298	Đỗ Nguyễn Hồng	Phát		Phat			5	3	Năm ba	361
46	21150299	Võ Nguyễn Tiến	Phát		Ph			5	5	Năm năm	480
47	21150301	Trần Nguyễn Hoài	Phong		Phong			5	5	Năm năm	139
48	21150302	Đặng Minh	Phúc		Ph			8	5	Tám năm	216
49	21150303	Đỗ Huỳnh Thiên	Phúc		Phuc			3	5	Ba năm	361
50	21150304	Trần Nguyên	Phúc		Phuc			6	5	Sáu năm	480

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Đình Anh Vũ Chữ ký:	Họ, tên: <u>Lưu Thị Thanh Nhân</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Bùi Thị An Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001351

Tên học phần: **Thực vật học**

Mã học phần: **BIO10004**

Lớp: **21SHH2**

Ngày thi: **24/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	21150305	Nguyễn Thị Kim	Phụng		<i>Phụng</i>	☐		6	0	Sáu không	139
52	21150306	Trần Thị Kim	Phước		<i>Phước</i>	☐		7	8	Bảy tám	216
53	21150307	Đỗ Thị Mai	Phương		<i>Đỗ</i>	☐		3	8	Ba tám	361
54	21150308	Nguyễn Hồng	Phương		<i>Nguyễn</i>	☐		4	3	Bốn ba	408
55	21150312	Nguyễn Thị Kim	Phượng		<i>Nguyễn</i>	☐		7	3	Bảy ba	139
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Lê Đình Anh Vũ</i>	Chữ ký: <i>LV</i>	1) <i>Lê Thị Thanh Nhân</i>	Chữ ký: <i>Thi</i>		
2) <i>Bùi Thị An</i>	Chữ ký: <i>An</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002165

Giữa kỳ

Tên học phần: **Huyết học ứng dụng**

Mã học phần: **BIO10215**

Lớp: **1**

Ngày thi: **16/5/2023** Giờ thi: **8:00 - 9:00**

Phòng thi: **F302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số 40%			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18150065	Văn Hoàng Bảo	Anh			☐	3	6		ba sáu	
2	18150215	Nguyễn Xuân	Nghiên			☐	7	7		bảy bảy	
3	18180119	Hoàng Trọng	Tuấn			☐	7	9		bảy chín	
4	19150028	Huỳnh Lê Thanh	Trúc			☐	7	8		bảy tám	
5	19150277	Nguyễn Thị Kim	Anh			☐	5	8		năm tám	
6	19150326	Nguyễn Hồng	Hào			☐	6	8		sáu tám	
7	19150351	Ngô Thị	Huyền			☐	5	8		năm tám	
8	19150374	Nguyễn Thị Phương	Loan			☐	5	6		năm sáu	
9	19150466	Nguyễn Hoàng Minh	Thư			☐	7	5		bảy năm	
10	19180168	Nguyễn Thanh	Vân			☐	8	9		tám chín	
11	19180202	Phan Ngọc	Châu			☐	8	1		tám một	
12	19180323	Tân Huỳnh Khả	Nhi			☐	7	0		bảy	
13	19180340	Huỳnh Thanh	Phong			☐	4	0		bốn	
14	19180380	Trần Phước	Tân			☐	8	3		tám ba	
15	20150051	Lê Kim	Long			☐	8	8		tám tám	
16	20150084	Hồ Long Nguyệt	Thùy			☐	7	9		bảy chín	
17	20150218	Thái Hoàng Dương	Ngọc			☐	6	3		sáu ba	
18	20150315	Lê Hoàng Khôi	Nguyên			☐	5	3		năm ba	
19	20180019	Mai Đức	Cánh			☐	5	3		năm ba	
20	20180028	Phan Thị Ngọc	Duyên			☒	/	/	/	/	
21	20180040	Lê Thái Phương	Khanh			☒	/	/	/	/	
22	20180044	Phan Đăng	Khôi			☐	7	7		bảy bảy	
23	20180054	Nguyễn Thị Thiên	Nga			☐	7	4		bảy bốn	
24	20180065	Lê Nguyễn Cúc	Phương			☐	3	5		ba năm	
25	20180103	Đỗ Huy	Du			☐	8	2		tám hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thu Thuê</u> Chữ ký:	Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thị Thuê</u> Chữ ký:	Họ, tên:
2) Chữ ký:	 Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002166

Tên học phần: **Huyết học ứng dụng**

Mã học phần: **BIO10215**

Lớp: **1**

Ngày thi: **16/5/2023**

Giờ thi: **8:00 - 9:00**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số 40%			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20180104	Phạm Huy Trường	Đức			☐	6	5		sáu năm	
27	20180144	Phan Thị Hoàng	Oanh			☐	7	8		bảy tám	
28	20180156	Lê Hoàng Như	Thảo			☐	8	3		tám ba	
29	20180164	Đặng Phạm Anh	Thư			☐	5	8		năm tám	
30	20180238	Nguyễn Phạm Trường	Giang			☐	7	7		bảy bảy	
31	20180280	Phan Thế	Khải			☐	6	4		sáu bốn	
32	20180367	Lâm Tấn	Thành			☐	5	9		năm chín	
33	20180377	Nguyễn Anh	Thư			☐	5	5		năm năm	
34	20180378	Tạ Hà Anh	Thư			☐	8	4		tám bốn	
35	20180414	Mai Thị Thanh	Vân			☐	7	1		bảy một	
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thị Huệ</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Huệ</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2)..... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001881

Tên học phần: **Kỹ nghệ mô**Mã học phần: **BTE10406**Lớp: **1**Ngày thi: **25/04/2023**Giờ thi: **16g00**Phòng thi: **E401**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	1718219	Nguyễn Đức	Mạnh		<i>Mạnh</i>	☐		4	5	bốn năm	
2	18150226	Lê Thiện	Nhân		<i>Nhân</i>	☐		6	2	sáu hai	
3	18150342	Hà Trung	Tín			☒					
4	18150378	Trần Thế	Trung		<i>Trần</i>	☐		5	3	năm ba	
5	18180119	Hoàng Trọng	Tuấn		<i>Trọng</i>	☐		6	5	sáu năm	
6	19150319	Phạm Gia	Hân		<i>Phạm</i>	☐		4	5	bốn năm	
7	19150415	Nguyễn Minh	Nhật		<i>Minh</i>	☐		5	3	năm ba	
8	19150480	Trần Anh	Tiến		<i>Trần</i>	☐		3	5	ba năm	
9	19180087	Trần Văn	Anh		<i>Trần</i>	☐		6	5	sáu năm	
10	19180109	Phạm Nhật Anh	Hào		<i>Phạm</i>	☐		6	7	sáu bảy	
11	19180177	Nay H'	Masa		<i>Nay</i>	☐		6	3	sáu ba	
12	19180181	Trần Thụy Minh	An		<i>Trần</i>	☐		6	5	sáu năm	
13	19180199	Nguyễn Thị Kim	Bích		<i>Bích</i>	☐		5	8	năm tám	
14	19180200	Thân Hoàng	Bin		<i>Thân</i>	☐		6	0	sáu không	
15	19180212	Phan Tuấn	Đạt		<i>Phan</i>	☐		4	2	bốn hai	
16	19180213	Phan Thị	Diễm		<i>Phan</i>	☐		5	5	năm năm	
17	19180217	Nguyễn Thị	Dung		<i>Dung</i>	☐		7	0	bảy không	
18	19180228	Võ Xuân	Hạ		<i>Võ</i>	☐		7	0	bảy không	
19	19180231	Vũ Hoàng	Hải		<i>Vũ</i>	☐		6	3	sáu ba	
20	19180232	Nguyễn Ngọc	Hân		<i>Nguyễn</i>	☐		7	5	bảy năm	
21	19180235	Trần Gia	Hân		<i>Trần</i>	☐		5	3	năm ba	
22	19180283	Trần An	Khánh		<i>Trần</i>	☐		5	3	năm ba	
23	19180316	Cổ Thu	Nhân		<i>Cổ</i>	☐		6	5	sáu năm	
24	19180317	Mai Danh	Nhân		<i>Mai</i>	☐		6	3	sáu ba	
25	19180322	Tạ Thị Tuyết	Nhi		<i>Tạ</i>	☐		6	2	sáu hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Hồng Linh</i> Chữ ký: <i>Linh</i> 2) <i>Nguyễn Ngọc Quỳnh</i> Chữ ký: <i>Quỳnh</i>	Họ, tên: <i>Đoàn Nguyễn Vũ</i> Chữ ký: <i>Đoàn</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001882

Tên học phần: **Kỹ nghệ mô**

Mã học phần: **BTE10406**

Lớp: **1**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **16g00**

Phòng thi: **E401**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	19180340	Huỳnh Thanh	Phong		<i>Phong</i>	☐		6	3	sáu ba	
27	19180352	Lê Anh	Quân		<i>Quân</i>	☐		6	0	sáu không	
28	19180368	Trần Như	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐		6	0	sáu không	
29	19180372	Trần Phước	Son		<i>Son</i>	☐		6	8	sáu tám	
30	19180392	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo		<i>Thảo</i>	☐		5	2	năm hai	
31	19180399	Nguyễn Thị Mỹ	Thu		<i>Thu</i>	☐		7	0	bảy không	
32	19180451	Dương Thị Phương	Uyên		<i>Uyên</i>	☐		6	8	sáu tám	
33	20150082	Trần Minh	Thư		<i>Thư</i>	☐		6	0	sáu không	
34	20150086	Huỳnh Hữu	Tinh		<i>Tinh</i>	☐		5	7	năm bảy	
35	20180035	Nguyễn Hữu Tuấn	Hiệp		<i>Hiệp</i>	☐		6	0	sáu không	
36	20180037	Đặng Gia	Hương		<i>Hương</i>	☐		7	5	bảy năm	
37	20180045	Nguyễn Trọng	Khuong		<i>Khuong</i>	☐		5	7	năm bảy	
38	20180050	Lê Hoàng	Minh		<i>Minh</i>	☐		6	5	sáu năm	
39	20180051	Dương Mỹ	Mùi		<i>Mùi</i>	☐		4	2	bốn hai	
40	20180054	Nguyễn Thị Thiên	Nga		<i>Nga</i>	☐		4	7	bốn bảy	
41	20180065	Lê Nguyễn Cúc	Phương		<i>Phương</i>	☐		5	3	năm ba	
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Ngọc An</i> 1) <i>Nguyễn Ngọc An</i> Chữ ký: <i>An</i> 2) <i>Nguyễn Hồng Linh</i> Chữ ký: <i>Linh</i>	Họ, tên: <i>Đoàn Nguyễn Thị</i> Chữ ký: <i>Đoàn</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001883

Tên học phần: **Kỹ nghệ mô**Mã học phần: **BTE10406**Lớp: **1**Ngày thi: **25/04/2023**Giờ thi: **16g00**Phòng thi: **E402**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	20180070	Trần Tú	Quyên		<i>Quyên</i>	○	5	5		năm năm	
2	20180071	Nguyễn Như	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	○	6	8		sáu tám	
3	20180102	Trần Thị Mỹ	Diệu		<i>Mỹ</i>	○	6	3		sáu ba	
4	20180103	Đỗ Huy	Du		<i>Huy</i>	○	7	8		bảy tám	
5	20180131	Võ Phi	Long		<i>Phi</i>	○	5	5		năm năm	
6	20180132	Nguyễn Viết	Luân		<i>Viết</i>	○	5	7		năm bảy	
7	20180144	Phan Thị Hoàng	Oanh		<i>Hoàng</i>	○	6	0		sáu không	
8	20180150	Phạm Lê Anh	Quân		<i>Anh</i>	○	5	8		năm tám	
9	20180156	Lê Hoàng Như	Thảo		<i>Thảo</i>	○	5	7		năm bảy	
10	20180159	Nguyễn Thị Phương	Thi		<i>Phương</i>	○	7	0		bảy không	
11	20180164	Đặng Phạm Anh	Thư		<i>Anh</i>	○	5	7		năm bảy	
12	20180177	Nguyễn Thị Thu	Trang		<i>Thu</i>	○	6	8		sáu tám	
13	20180188	Nguyễn Võ Thảo	Vy		<i>Thảo</i>	○	5	8		năm tám	
14	20180190	Nguyễn Ngọc	Xuyến		<i>Ngọc</i>	○	7	7		bảy bảy	
15	20180210	Vũ Thị Tú	Anh		<i>Tú</i>	○	5	2		năm hai	
16	20180211	Đỗ Thị Ngọc	Ánh		<i>Ngọc</i>	○	5	5		năm năm	
17	20180218	Trần Minh	Cánh		<i>Minh</i>	○	7	3		bảy ba	
18	20180219	Lê Khánh	Châu		<i>Khánh</i>	○	6	5		sáu năm	
19	20180220	Võ Ngọc Quỳnh	Chi		<i>Quỳnh</i>	○	6	3		sáu ba	
20	20180231	Thái Quốc	Dũng		<i>Quốc</i>	○	5	7		năm bảy	
21	20180232	Lê Thị Thuý	Dương		<i>Thuý</i>	○	6	2		sáu hai	
22	20180238	Nguyễn Phạm Trường	Giang		<i>Trường</i>	○	5	5		năm năm	
23	20180245	Cổ Ngọc	Hân		<i>Ngọc</i>	○	6	2		sáu hai	
24	20180255	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiền		<i>Thanh</i>	○	7	0		bảy không	
25	20180264	Vương Nguyễn Minh	Hòa		<i>Minh</i>	○	7	0		bảy không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Văn Minh</i> Chữ ký: <i>NVM</i> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <i>Đoàn Nguyễn Văn</i> Chữ ký: <i>ĐNV</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



22232001884

Tên học phần: **Kỹ nghệ mô**Mã học phần: **BTE10406**Lớp: **1**Ngày thi: **25/04/2023**Giờ thi: **16g00**Phòng thi: **E402**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20180270	Đinh Tấn	Hung			☐	6	2		sáu hai	
27	20180275	Lê Quốc	Huy			☐	5	5		năm năm	
28	20180279	Nguyễn Vũ	Kha			☐	7	3		bảy ba	
29	20180281	Nguyễn Vũ Minh	Khang			☐	6	2		sáu hai	
30	20180282	Võ Thị Mộng	Khanh			☐	6	5		sáu năm	
31	20180292	Huỳnh Bá	Lâm			☐	5	2		năm hai	
32	20180294	Huỳnh Thị Yến	Linh			☐	7	5		bảy năm	
33	20180315	Cao Xuân	Nam			☐	5	5		năm năm	
34	20180328	Nguyễn Như	Nguyễn			☐	7	5		bảy năm	
35	20180337	Trần Yến	Nhi			☐	7	5		bảy năm	
36	20180346	Nguyễn Việt Kiều	Oanh			☐	6	0		sáu không	
37	20180358	Hồ Phương	Quyên			☐	6	3		sáu ba	
38	20180361	Nguy Văn	San			☐	7	0		bảy không	
39	20180367	Lâm Tấn	Thành			☐	5	2		năm hai	
40	20180397	Phan Hoàng Đoan	Trang			☐	5	7		năm bảy	
41	20180413	Huỳnh Hồng Phượng	Vân			☐	5	7		năm bảy	
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1)	Chữ ký:	Đoan Nguyễn Vũ	Chữ ký:		
2)	Chữ ký:		Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001811

Tên học phần: **Hóa đại cương 3**Mã học phần: **CHE00003**Lớp: **22CSH2**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1516045	Nguyễn Văn	Hào					3	9	ba chín	
2	18150303	Lương Hoài	Thi					1	9	một chín	
3	18170057	Ngô Hữu	Khôi					3	4	ba bốn	
4	18170064	Trần Anh	Minh					4	4	bốn bốn	
5	18170111	Nguyễn Quốc	Thông					4	1	bốn một	
6	18180334	Trịnh Long	Tuấn								
7	19150035	Đỗ Thị Hồng	Ân								
8	19170038	Đặng Lê Thu	Hà								
9	19180283	Trần An	Khánh					2	7	hai bảy	
10	20150014	Trần Tú	Anh					1	7	một bảy	
11	20150035	Võ Đắc	Hùng					2	2	hai hai	
12	20150145	Phạm Thị Thu	Hiền								
13	20150190	Phạm Lê Nhật	Mai					2	4	hai bốn	
14	20150206	Lý Kim	Ngân					1	8	một tám	
15	20150208	Nguyễn Phan Bảo	Ngân								
16	20150214	An Thị Bích	Ngọc					2	4	hai bốn	
17	20150252	Nguyễn Ngô Thu	Quỳnh					3	8	ba tám	
18	20150273	Nguyễn Thị Minh	Thùy					4	1	bốn một	
19	20180182	Trần Anh	Tuấn					3	4	ba bốn	
20	20180318	Trương Hồ Hoài	Nam								
21	20220085	Nguyễn Phạm Phương	Thy					1	9	một chín	
22	20220089	Nguyễn Thùy	Trang					2	8	hai tám	
23	21180287	Nguyễn	Hậu					5	8	năm tám	
24	21180289	Nguyễn Phan Ngọc	Hiếu					4	8	bốn tám	
25	21180295	Huỳnh Thị Mai	Huyền					5	4	năm bốn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



22232001812



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Giữa kỳ

Tên học phần: **Hóa đại cương 3**

Mã học phần: **CHE00003**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21180302	Lương Trung	Kiên		<i>Kiên</i>	☐	5	1		năm một	
27	21180304	Huỳnh Phạm Nhật	Lam		<i>Lam</i>	☐	1	8		một tám	
28	21180313	Thân Thị Vân	Ly		<i>Ly</i>	☐	4	9		bốn chín	
29	21180318	Phan Đăng Hồng	Minh		<i>Minh</i>	☐	4	8		bốn tám	
30	21180329	Nguyễn Thị Thu	Ngân		<i>Ngân</i>	☐	8	8		tám tám	
31	21180338	Võ Thảo	Nguyên		<i>Thảo</i>	☐	5	9		năm chín	
32	21180340	Lương Ngọc	Nhi		<i>Nhi</i>	☐	3	6		ba sáu	
33	21180349	Võ Minh	Phúc		<i>Phúc</i>	☐	2	2		hai hai	
34	21180357	Nguyễn Trần Tuấn	Thanh		<i>Tuấn</i>	☐	8	2		tám hai	
35	21180358	Trương Thanh	Thanh		<i>Thanh</i>	☐	2	9		hai chín	
36	21180374	Lê Thị Huyền	Trần		<i>Huyền</i>	☐	5	8		năm tám	
37	21180377	Lê Thị Bảo	Trang		<i>Trang</i>	☐	6	3		sáu ba	
38	22180079	Trần Thị Lê	Khanh		<i>Lê</i>	☐	8	2		tám hai	
39	22180080	Võ Thị Mai	Khanh		<i>Mai</i>	☐	2	6		hai sáu	
40	22180081	Bùi Xuân	Khánh		<i>Xuân</i>	☐	6	9		sáu chín	
41	22180082	Phạm Võ Gia	Khánh		<i>Gia</i>	☐	6	1		sáu một	
42	22180083	Mai Đình	Khiêm		<i>Đình</i>	☐	6	1		sáu một	
43	22180084	Nguyễn Đăng	Khoa		<i>Đăng</i>	☐	7	6		bảy sáu	
44	22180086	Nguyễn Trần Đăng	Khoa		<i>Đăng</i>	☐	9	6		chín sáu	
45	22180087	Trần Đăng	Khoa		<i>Đăng</i>	☐	6	7		sáu bảy	
46	22180088	Nguyễn Anh	Khôi			☐					
47	22180090	Trương Quốc	Lâm		<i>Quốc</i>	☐	5	4		năm bốn	
48	22180091	Nguyễn Tôn	Lễ		<i>Tôn</i>	☐	7	4		bảy bốn	
49	22180092	Lê Thị Tường	Linh		<i>Tường</i>	☐	5	3		năm ba	
50	22180093	Nguyễn Thị Khánh	Linh		<i>Khánh</i>	☐	7	5		bảy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Lê Thị Ngọc Trang</i> 1) <i>Lê Thị Ngọc Trang</i> Chữ ký: <i>LNT</i> 2) <i>Lê Thị Ngọc Trang</i> Chữ ký: <i>LNT</i>	Họ, tên: <i>Huỳnh Tấn Vũ</i> Chữ ký: <i>HTV</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001813

Tên học phần: **Hóa đại cương 3**

Mã học phần: **CHE00003**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
51	22180094	Nguyễn Trần Thùy	Linh		Linh	☐		6	2	sáu hai	
52	22180095	Phạm Nhật	Linh		Linh	☐		3	8	ba tám	
53	22180096	Phan Thị Diệu	Linh		Phan	☐		5	8	mười tám	
54	22180097	Tạ Yến	Linh		Tạ	☐		6	8	sáu tám	
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) Lê Thị Ngọc Trang	Chữ ký:	Thưoph Tân Vũ	Chữ ký:		
2) Nguyễn Anh Sơn	Chữ ký:				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001814

Tên học phần: **Hóa đại cương 3**

Mã học phần: **CHE00003**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22180098	Trần Yến	Linh			☐	8	4		tám bốn	
2	22180099	Trương Thị Thùy	Linh			☐	8	9		tám chín	
3	22180100	Trần	Linh			☐	6	7		sáu bảy	
4	22180101	Lê Giang	Long			☐	5	5		năm năm	
5	22180102	Lê Thành	Long			☐	2	2		hai hai	
6	22180103	Bùi Thị Khánh	Ly			☐	5	4		năm bốn	
7	22180104	Nguyễn Dương Thảo	Ly			☐	6	8		sáu tám	
8	22180105	Bùi Quốc	Mạnh			☐	6	6		sáu sáu	
9	22180107	Lý Bảo	Minh			☐	5	3		năm ba	
10	22180108	Nguyễn Anh	Minh			☒					
11	22180109	Nguyễn Quang	Minh			☐	4	8		bốn tám	
12	22180110	Nguyễn Vũ Giáng	My			☐	4	9		bốn chín	
13	22180111	Trần Thị Thảo	My			☐	7	4		bảy bốn	
14	22180112	Huỳnh Kiều	My			☐	6	7		sáu bảy	
15	22180113	Lê Hữu	Nam			☐	3	4		ba bốn	
16	22180114	Đới Thị Ngọc	Nga			☐	7	6		bảy sáu	
17	22180115	Đỗ Thị Kim	Ngân			☐	4	9		bốn chín	
18	22180116	Hoàng Thị Thanh	Ngân			☐	5	3		năm ba	
19	22180117	Nguyễn Ngọc Yến	Ngân			☐	2	9		hai chín	
20	22180118	Nguyễn Thanh	Ngân			☐	6	5		sáu năm	
21	22180119	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân			☐	4	7		bốn bảy	
22	22180120	Nguyễn Trần Bảo	Ngân			☐	4	8		bốn tám	
23	22180121	Tạ Thị Kim	Ngân			☐	5	2		năm hai	
24	22180122	Trần Thị Thu	Ngân			☐	8	4		tám bốn	
25	22180123	Phan Vũ Gia	Nghi			☐	8	9		tám chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001815

Tên học phần: **Hóa đại cương 3**Mã học phần: **CHE00003**Lớp: **22CSH2**Ngày thi: **28/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22180124	Võ Hà Phương	Nghi		Nghi		8	7		tám bảy	
27	22180125	Nguyễn Hữu	Nghĩa								
28	22180126	Huỳnh Nguyễn Hồng	Ngọc		Nguy		8	8		tám tám	
29	22180127	Lê Lâm Hồng	Ngọc		Phu		6	3		sáu ba	
30	22180128	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		Ngoc		8	1		tám một	
31	22180129	Tôn Huỳnh Phước	Ngọc		u		5	7		mười bảy	
32	22180130	Trương Thế	Ngọc		ngoc		5	7		mười bảy	
33	22180131	Đặng Tâm	Nhã		u		4	3		bốn ba	
34	22180132	Phạm Cao Thanh	Nhã		Phu		8	5		tám năm	
35	22180133	Nguyễn Phước	Nhân		Phu		3	6		ba sáu	
36	22180134	Lê Thị Yến	Nhi		Nhi		6	3		sáu ba	
37	22180136	Đặng Mai	Như		Chau		5	8		mười tám	
38	22180138	Nguyễn Võ Khánh	Như		Nhu		6	1		sáu một	
39	22180139	Trần Đức Thanh	Nhuệ		u		6	8		sáu tám	
40	22180140	Hồ Thị Thanh	Ni		Thy		7	6		bảy sáu	
41	22180141	Nguyễn Thị Yến	Ni		Yen		8	1		tám một	
42	22180142	Phạm Hồng	Oanh		Phu		7	6		bảy sáu	
43	22180143	Nguyễn Hoàng	Phát		u		7	5		bảy năm	
44	22180145	Trần Hoàng	Phi		Pha		8	6		tám sáu	
45	22180146	Nguyễn Dương Thanh	Phong		Phu		5	4		mười bốn	
46	22180147	Hồ Phước	Phú		Phu		6	2		sáu hai	
47	22180149	Phan Thanh	Phú		Phu		6	8		sáu tám	
48	22180150	Đỗ Đình	Phúc		Phu		3	2		ba hai	
49	22180151	Nguyễn Huỳnh Đại	Phúc		Phu		5	4		mười bốn	
50	22180152	Trần Hồng	Phúc		Phu		6	2		sáu hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Trần Thị Ngọc Thy</u> Chữ ký: <u>Thy</u> 2) <u>Trần Thị Thanh Huyền</u> Chữ ký: <u>Phu</u>	Họ, tên: <u>Huỳnh Tâm Vũ</u> Chữ ký: <u>u</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



22232001816

Tên học phần: **Hóa đại cương 3**

Mã học phần: **CHE00003**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **28/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	22180153	Sái Kim Bảo	Phụng		<i>phung</i>	☒		6	4	Sáu bốn	
52	22180154	Nguyễn Hữu	Phước			☒					
53	22180155	Đinh Ngọc Thanh	Phuong		<i>Phuong</i>	☐		5	5	năm năm	
54	22180156	Đỗ Đặng Hoài	Phuong		<i>Phu</i>	☐		7	1	bảy một	
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	<i>Nguyễn Thị Ngọc Thanh</i>	Họ, tên:	<i>Nguyễn Tấn Vũ</i>	Họ, tên:	
Chữ ký:	<i>[Signature]</i>	Chữ ký:	<i>[Signature]</i>	Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002794

Tên học phần: **Thiết kế phần mềm**

Mã học phần: CSC13010

Lớp: 20TN

Ngày thi: 24/5/2023

Giờ thi: 9:30 - 11:30

Phòng thi: F203

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	20120009	Nguyễn Văn	Hung	1				1	35		
2	20120012	Nguyễn Phạm Nhật	Huy	1				1	50		
3	20120013	Trịnh Quốc	Huy	1				1	30		
4	20120014	Vương Gia	Huy	1				1	50		
5	20120015	Lý Hoàng	Khải	1				1	45		
6	20120018	Trần Kiều Minh	Lâm	1				1	40		
7	20120019	Nguyễn Đức	Mạnh	1				1	20		
8	20120021	Hồ Văn	Son	1				1	45		
9	20120022	Lê Quang	Tri	1				1	40		
10	20120023	Bùi Quốc	Trung	1				1	35		
11	20120025	Hoàng Trọng	Vũ	1				1	50		
12	20120027	Lê Hải	Duy	1				1	35		
13	20120028	Huỳnh Lê	An	1				1	30		
14	20120067	Nguyễn Phạm Bá	Duy	1				1	40		
15	20120075	Lê Thị Minh	Hiền	1				1	35		
16	20120081	Nguyễn Mậu Trọng	Hiếu	1				1	50		
17	20120101	Dũ Quốc	Huy	1				1	40		
18	20120118	Nguyễn Anh	Khoa	1				1	35		
19	20120131	Nguyễn Văn	Lộc	2				1	50		
20	20120181	Võ Văn	Tài	1				1	35		
21	20120191	Võ Thị Phước	Thảo	1				1	50		
22	20120204	Dương Lê Đình	Thuận	1				1	40		
23	20120245	Lưu Nguyễn Tiến	Anh	1				1	40		
24	20120250	Trần Bảo	Anh					1	50		
25	20120291	Ngô Phúc	Hội	1				1	40		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Huỳnh Việt Thái Chữ ký:

Họ, tên: Trần Minh Triết
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232002795

Tên học phần: **Thiết kế phần mềm**

Mã học phần: CSC13010

Lớp: 20TN

Ngày thi: 24/5/2023

Giờ thi: 9:30 - 11:30

Phòng thi: F203

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	20120304	Phan Trần	Khanh	1	Khanh	☐		1	50		
27	20120364	Phạm Phước	Sang	1	Sang	☐		1	35		
28	20120412	Nguyễn Quang	Bình	1	Bình	☐		1	50		
29	20120448	Nguyễn Kông	Đại	1	Kongda	☐		1	50		
30	20120459	Nguyễn Văn	Dũng	1	Dũng	☐		1	40		
31	20120463	Nguyễn Lê	Duy	1	Duy	☐		1	40		
32	20120497	Nguyễn Quang	Huy	1	Huy	☐		1	45		
33	20120502	Nguyễn Minh	Kha	1	Kha	☐		1	40		
34	20120536	Võ Trọng	Nghĩa	1	Nghĩa	☐		1	50		
35	20120545	Lê Hoài	Phong	1	Phong	☐		1	40		
36	20120548	Lương Thanh Hoàng	Phú	1	Phú	☐		1	40		
37	20120561	Từ Văn	Quý	1	Quý	☐		1	50		
38	20120579	Vũ Văn	Thái	1	Thái	☐		1	40		
39	20120584	Trần Hữu	Thiên	1	Thiên	☐		1	50		
40	20120596	Nguyễn Bảo	Tín	1	Tín	☐		1	50		
41	20120599	Phù Thị Kim	Trang	1	Trang	☐		1	30		
42	20120600	Lê Minh	Trí	1	Trí	☐		1	40		
43	20120607	Lê Hữu	Trọng	1	Trọng	☐		1	35		
44	20120609	Nguyễn Hoàng	Trung	1	Trung	☐		1	35		
45	20120620	Trần Thiên	Tường	1	Tường	☐		1	30		
46	2020057	Trần Ngọc	Đo	1	Đo	☐		1	50		
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) Huỳnh Việt Thái Chữ ký: *Huỳnh Việt Thái*
2) Chữ ký:

Họ, tên: Trần Minh Triết Chữ ký: *Trần Minh Triết*

Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002260

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENE10002

Lớp: **21CMT**

Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **9h00**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18220094	Đỗ Thành	Tân					5	4	năm bốn	
2	18220100	Nguyễn Thanh	Thịnh					4	6	bốn sáu	
3	18220117	Nguyễn Thanh	Trúc								
4	20220002	Mai Thành	Đạt					4	2	bốn hai	
5	20220023	Nguyễn Hoàng	Việt					6	4	sáu bốn	
6	20220030	Nguyễn Văn	Bình					2	3	hai ba	
7	20220035	Phan Thị Hương	Giang					3	5	ba năm	
8	20220037	Lê Võ Trung	Hiếu								
9	20220041	Nguyễn Vũ Gia	Huy					3	4	ba bốn	
10	20220043	Lê Tấn	Khánh					1	4	một bốn	
11	20220044	Nguyễn Đào Anh	Khoa					3	5	ba năm	
12	20220046	Trần Nhật	Linh					3	6	ba sáu	
13	20220048	Vũ Bảo	Long					2	5	hai năm	
14	20220049	Trần Thị Kiều	Mi					4	8	bốn tám	
15	20220058	Trần Vĩnh	Phúc					4	2	bốn hai	
16	20220059	Nguyễn Duy	Phùng					3	0	ba không	
17	20220062	Trần Ngọc	Phước					4	5	bốn không	
18	20220065	Nguyễn Anh	Quý					4	1	bốn một	
19	20220069	Đặng Tấn	Tài					3	5	ba năm	
20	20220072	Võ Minh	Tân					2	3	hai ba	
21	20220074	Nguyễn Đức	Thành					4	4	bốn bốn	
22	20220075	Nguyễn Đào Phương	Thảo					5	1	năm một	
23	20220076	Trần Thị Thu	Thảo					3	0	ba không	
24	20220080	Lê Chí	Thiện					3	2	ba hai	
25	20220083	Cao Thị Nhật	Thương					4	3	bốn ba	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Ngô Hữu Phụng Chữ ký:	Họ, tên: T2. Thị Hiền	Họ, tên: T2. Thị Hiền
2)..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002261

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENE10002

Lớp: **21CMT**Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **9h00**Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	20220084	Nguyễn Thị Diệu	Thùy			☐		4	4	bốn bốn	
27	20220092	Trần Công	Trứ			☐		1	6	một sáu	
28	20220101	Cao Ngọc Thảo	Uyên			☐		4	3	bốn ba	
29	20220103	Nguyễn Hoàng Thanh	Ý			☐		6	4	sáu bốn	
30	21220024	Nguyễn Đăng	Khải			☐		7	1	bảy một	
31	21220041	Nguyễn Thị Mai	Phương			☐		3	7	ba bảy	
32	21220044	Hà Huỳnh Quốc	Thái			☐		8	8	tám tám	
33	21220052	Trương Hải	Triều			☐		5	6	năm sáu	
34	21220058	Nguyễn Kim Vân	Anh			☐		2	9	hai chín	
35	21220059	Thân Thị Ngọc	Anh			☐		3	4	ba bốn	
36	21220060	Trần Đức	Anh			☐		4	5	bốn năm	
37	21220061	Văn Trần Phương	Anh			☒					
38	21220064	Ngô Đình	Bách			☐		3	4	ba bốn	
39	21220065	Phan Thế Thống	Bách			☐		2	8	hai tám	
40	21220066	Phạm Lê Khánh	Bảo			☐		3	8	ba tám	
41	21220068	Nguyễn Thị Mỹ	Chi			☐		5	9	năm chín	
42	21220069	Lê Thị Châu	Đang			☐		7	1	bảy một	
43	21220070	Nguyễn Lê Hải	Đặng			☐		4	4	bốn bốn	
44	21220071	Dương Đỗ Thành	Danh			☒					
45	21220072	Nguyễn Tiến	Đạt			☐		2	9	hai chín	
46	21220077	Trần Thị Hương	Giang			☐		5	9	năm chín	
47	21220078	Lê Thanh	Hải			☐		5	9	năm chín	
48	21220079	Trần Tuấn	Hải			☐		5	7	năm bảy	
49	21220080	Hồ Thị Trung	Hiếu			☐		1	6	một sáu	
50	21220081	Ngô Thị Mỹ	Hoa			☐		1	2	một hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Ngô Hoài Phương Dung</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Tê Thị Hiền</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Tê Thị Hiền</u> Chữ ký:
2)..... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002262

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENE10002

Lớp: **21CMT**

Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **10h15**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	21220084	Trương Đức	Hùng			☐		4	0	bốn không	
52	21220086	Nguyễn Gia	Hung			☐		4	2	bốn hai	
53	21220087	Thái Thành	Hung			☐		3	7	ba bảy	
54	21220088	Phạm Quỳnh	Hương			☐		2	3	hai ba	
55	21220090	Nguyễn Đình Gia	Huy			☐		3	5	ba năm	
56	21220091	Nguyễn Trần Đức	Huy			☐		3	0	ba không	
57	21220092	Nại Thành Tuấn	Khải			☐		2	8	hai tám	
58	21220093	Nguyễn Thế	Khang			☐		2	8	hai tám	
59	21220094	Hồng Nguyễn Văn	Khanh			☐		7	6	bảy sáu	
60	21220095	Trần Đình	Khiêm			☐		3	9	ba chín	
61	21220096	Trần Minh	Khoa			☐		4	7	bốn bảy	
62	21220097	Việt Đăng	Khoa			☐		3	5	ba năm	
63	21220098	Mộc Hà Tuấn	Kiệt			☐		2	5	hai năm	
64	21220100	Phạm Thị Thu	Liều			☐		4	0	bốn không	
65	21220103	Nguyễn Thị Vân	Linh			☐		3	5	ba năm	
66	21220104	Vương Thị Yến	Linh			☐		2	2	hai hai	
67	21220105	Ô Mỹ	Loan			☐		3	6	ba sáu	
68	21220106	Nguyễn Thị	Lụa			☐		5	9	năm chín	
69	21220107	Nguyễn Ngọc Phương	Mai			☐		4	1	bốn một	
70	21220108	Nguyễn Thị Ngọc	Mai			☐		6	3	sáu ba	
71	21220109	Nguyễn Thị Tuyết	Mai			☐		3	9	ba chín	
72	21220110	Trần Thị Thanh	Mai			☐		4	8	bốn tám	
73	21220111	Lê Quang	Minh			☐		2	2	hai hai	
74	21220112	Nguyễn Dương Hoài	Nam			☐		2	5	hai năm	
75	21220113	Nguyễn Thị Thanh	Ngân			☐		5	2	năm hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Hà Hòa Phương Dung</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>T.Đ. Thị Hiền</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>T.Đ. Thị Hiền</u> Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002263

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENE10002

Lớp: **21CMT**

Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **10h 15**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
76	21220117	Nguyễn Trương Hoàng	Nguyễn		<i>[Signature]</i>	☐		5	2	năm hai	
77	21220118	Ngô Thanh	Nhân		<i>[Signature]</i>	☐		3	1	ba một	
78	21220120	Vòng Ngọc Vân	Nhi		<i>[Signature]</i>	☐		2	6	hai sáu	
79	21220122	Nguyễn Huỳnh	Như		<i>[Signature]</i>	☐		3	3	ba ba	
80	21220123	Lê Hồng	Phát		<i>[Signature]</i>	☐		5	4	năm bốn	
81	21220124	Huỳnh Minh	Phú		<i>[Signature]</i>	☐		6	2	sáu hai	
82	21220125	Lê Duy	Phương		<i>[Signature]</i>	☐		6	7	sáu bảy	
83	21220126	Trần Thị Vy	Phương		<i>[Signature]</i>	☐		3	8	ba tám	
84	21220128	Nguyễn Lê Tấn	Quốc		<i>[Signature]</i>	☐		4	1	bốn một	
85	21220129	Phạm Phú	Quốc		<i>[Signature]</i>	☐		4	9	bốn chín	
86	21220130	Trần Thị Mỹ	Quyên		<i>[Signature]</i>	☐		5	3	năm ba	
87	21220132	Thạch Hồng Bảo	Son		<i>[Signature]</i>	☐		5	1	năm một	
88	21220133	Lê Nguyễn Ngọc	Thanh		<i>[Signature]</i>	☐		4	0	bốn không	
89	21220134	Nguyễn Minh	Thanh		<i>[Signature]</i>	☐		6	5	sáu năm	
90	21220135	Nguyễn Phương	Thảo		<i>[Signature]</i>	☐		5	1	năm một	
91	21220136	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		<i>[Signature]</i>	☐		4	7	bốn bảy	
92	21220139	Nguyễn Đức	Thịnh		<i>[Signature]</i>	☐		3	7	ba bảy	
93	21220141	Trần Hùng	Tiến		<i>[Signature]</i>	☐		6	4	sáu bốn	
94	21220143	Ngô Lê Ngọc	Trâm		<i>[Signature]</i>	☐		4	3	bốn ba	
95	21220144	Đỗ Ngọc	Trâm		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
96	21220145	Nguyễn Trần Minh	Trang		<i>[Signature]</i>	☐		5	5	năm năm	
97	21220146	Lương Nguyễn Khắc	Triệu		<i>[Signature]</i>	☐		7	3	bảy ba	
98	21220147	Đặng Thị Tuyết	Trinh		<i>[Signature]</i>	☐		3	0	ba không	
99	21220151	Lê Minh	Tuấn		<i>[Signature]</i>	☐		3	0	ba không	
100	21220152	Phan Thanh	Tuấn		<i>[Signature]</i>	☐		2	2	hai hai	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Hoàng Ph. 22/05/2023</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2)..... Chữ ký:	Họ, tên: <i>T. Thị Hiền</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>T. Thị Hiền</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002264

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENE10002

Lớp: **21CMT**

Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **10h15**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	21220153	Trần Lê Minh	Tuấn		<i>tuấn</i>	☐		8	1	tám một	
102	21220155	Vũ Cát	Tường		<i>tu</i>	☐		6	0	sáu không	
103	21220157	Nguyễn Lê Mai	Uyên		<i>Uyên</i>	☐		3	9	ba chín	
104	21220158	Nguyễn Trần Anh	Uyên		<i>Uyên</i>	☐		6	7	sáu bảy	
105	21220160	Nguyễn Thị Tuyết	Vân		<i>Vân</i>	☐		6	2	sáu hai	
106	21220163	Lê Thái Anh	Vy		<i>vy</i>	☐		3	2	ba hai	
107	21220166	Trần Phương Như	Ý		<i>ý</i>	☐		5	6	năm sáu	
108						☐					
109						☐					
110						☐					
111						☐					
112						☐					
113						☐					
114						☐					
115						☐					
116						☐					
117						☐					
118						☐					
119						☐					
120						☐					
121						☐					
122						☐					
123						☐					
124						☐					
125						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Trần Hoàng Phương Dung</i> Chữ ký: <i>Ph</i>	Họ, tên: <i>Tê Thị Tiên</i> Chữ ký: <i>tiên</i>	Họ, tên: <i>Tê Thị Hiền</i> Chữ ký: <i>hiên</i>
2)..... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002377

Tên học phần: **Quá trình vận chuyển và lắng đọng chất ô nhiễm trong không khí** Mã học phần: ENE10165

Lớp: **19CMT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	1622039	Phan Đình Ngọc	Hải		<i>Hải</i>	☐		7	5	bảy chấm năm	
2	1722129	Quách Tú	Trình		<i>Trình</i>	☐		6	5	sáu chấm năm	
3	18220012	Lê Huỳnh	Đức			☐					
4	18220117	Nguyễn Thanh	Trúc			☐					
5	19220008	Nguyễn Lê Minh	Anh		<i>Anh</i>	☐		6	0	sáu	
6	19220013	Đặng Nguyễn Minh	Chiến		<i>S</i>	☐		5	5	năm chấm năm	
7	19220074	Đặng Thị Thùy	Trang		<i>Th</i>	☐		6	0	sáu	
8	19220087	Lương Ngọc Quỳnh	Anh		<i>Qu</i>	☐		7	3	bảy chấm ba	
9	19220089	Lê Thị Thanh	Bình		<i>Bee</i>	☐		7	5	bảy chấm năm	
10	19220093	Triệu Kiều	Đan		<i>Đan</i>	☐		7	0	bảy	
11	19220101	Lương Bình	Dương		<i>Bu</i>	☐		6	5	sáu chấm năm	
12	19220103	Đàm Nguyễn Minh	Duyên			☐					
13	19220104	Lê Thị Mỹ	Duyên		<i>Duyen</i>	☐		5	0	năm	
14	19220108	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		<i>Haile</i>	☐		6	0	sáu	
15	19220109	Lê Quốc	Hậu		<i>Chuok</i>	☐		8	0	tám	
16	19220111	Bùi Thị Dạ	Hoàn		<i>B</i>	☐		6	8	sáu chấm tám	
17	19220113	Nguyễn Phi	Hùng		<i>Hung</i>	☐		6	0	sáu	
18	19220117	Đỗ Thị Mai	Hương			☐					
19	19220120	Nguyễn Lý Gia	Huy		<i>Ng</i>	☐		8	3	tám chấm ba	
20	19220122	Nguyễn Đăng	Khoa		<i>Kh</i>	☐		7	0	bảy	
21	19220126	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		<i>Ngoc</i>	☐		7	0	bảy	
22	19220127	Lê Thị Khánh	Linh		<i>Lin</i>	☐		8	5	tám chấm năm	
23	19220129	Ngô Thị Thùy	Loan		<i>Loan</i>	☐		7	0	bảy	
24	19220133	Lê Thị Phương	Mai		<i>Mai</i>	☐		7	0	bảy	
25	19220134	Nguyễn Thị Cẩm	Nga		<i>Ng</i>	☐		8	5	tám chấm năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Lý</i>	Họ, tên:
1).....Chữ ký:	Chữ ký: <i>Nguyễn Thị Lý</i>	Chữ ký:
2).....Chữ ký:	Chữ ký: <i>Nguyễn Thị Lý</i>	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002378

Tên học phần: **Quá trình vận chuyển và lắng đọng chất ô nhiễm trong không khí** Mã học phần: ENE10165

Lớp: **19CMT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	19220136	Nguyễn Thị Thu	Ngân			☐	7	5		bảy chấm năm	
27	19220140	Nguyễn Trần Kim	Ngọc			☐	7	3		bảy chấm ba	
28	19220142	Phạm Đỗ Khánh	Ngọc			☐	6	0		sáu	
29	19220144	Vũ Hoàng Đình	Nguyễn			☐					
30	19220147	Nguyễn Trần Uyên	Nhi			☐	6	8		sáu chấm tám	
31	19220149	Nguyễn Tuyết	Như			☐	7	5		bảy chấm năm	
32	19220150	Lê Thị Mỹ	Nhung			☐	7	3		bảy chấm ba	
33	19220152	Trương Quang	Nhật			☐	5	5		năm chấm năm	
34	19220153	Phạm Ngọc	Phát			☐	7	0		bảy	
35	19220157	Trịnh Đan	Phương			☐	7	8		bảy chấm tám	
36	19220160	Trần Tiểu	Quyên			☐	7	0		bảy	
37	19220161	Huỳnh Lê Thái	Son			☐	7	5		bảy chấm năm	
38	19220162	Nguyễn Thanh	Son			☐	7	8		bảy chấm tám	
39	19220168	Đặng Công	Thành			☐	6	0		sáu	
40	19220172	Phạm Hưng	Thịnh			☐	8	3		tám chấm ba	
41	19220173	Nguyễn Hoàng	Thơ			☐	8	0		tám	
42	19220177	Trần Huỳnh	Thuận			☐	5	0		năm	
43	19220180	Nguyễn Thị	Thúy			☐	8	5		tám chấm năm	
44	19220184	Đỗ Minh	Trang			☐	7	5		bảy chấm năm	
45	19220185	Tạ Bảo	Trình			☐	5	3		năm chấm ba	
46	19220188	Lưu Mạnh	Tuân			☐	7	0		bảy	
47	19220190	Nguyễn Thái Kiệt	Tường			☐	7	0		bảy	
48	19220191	Đỗ Thị Kim	Tuyết			☐	7	0		bảy	
49	19220195	Trần Thị Khánh	Viên			☐	6	8		sáu chấm tám	
50	19220197	Lê Hoàng Liên	Vy			☐	6	8		sáu chấm tám	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1).....Chữ ký:

2).....Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002329

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENV10005

Lớp: **21KMT**

Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **7h45**

Phòng thi: **F 103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	20170012	Huỳnh Đoàn Khánh	Linh			☐		4	9	bốn chín	
2	20170016	Lê Đặng Quỳnh	Như			☐		5	0	năm Không	
3	20170079	Lê Thị Quỳnh	Như			☐		2	2	hai hai	
4	20170092	Bùi Phương	Quyên			☒					
5	20170099	Võ Trung	Thạch			☐		6	4	sáu bốn	
6	20170106	Lê Công Phước	Thịnh			☐		2	0	hai Không	
7	20170115	Đỗ Thị Thùy	Trang			☐		5	5	năm năm	
8	21170048	Phạm Nguyễn Anh	Thư			☐		2	8	hai tám	
9	21170057	Huỳnh Lê Minh	Kha			☐		6	3	sáu ba	
10	21170058	Nguyễn Đức	Nguyên			☐		4	2	bốn hai	
11	21170059	Lê Võ Hoàng Thanh	An			☐		4	9	bốn chín	
12	21170061	Nguy Văn	Anh			☐		4	4	bốn bốn	
13	21170062	Nguyễn Thị Lan	Anh			☐		4	6	bốn sáu	
14	21170065	Võ Quang	Anh			☐		2	4	hai bốn	
15	21170066	Vũ Quế	Anh			☐		2	2	hai hai	
16	21170069	Lê Minh	Chiến			☐		3	7	ba bảy	
17	21170071	Trần Anh Hải	Đăng			☐		4	2	bốn hai	
18	21170074	Phạm Tuấn	Dũng			☐		3	6	ba sáu	
19	21170075	Nguyễn Thị Ánh	Dương			☐		2	8	hai tám	
20	21170076	Trần Bách	Dương			☐		4	4	bốn bốn	
21	21170078	Ngô Viễn Hoàng	Duy			☐		1	8	một tám	
22	21170079	Nguyễn Đức	Duy			☐		1	9	một chín	
23	21170080	Nguyễn Thanh	Duy			☐		5	7	năm bảy	
24	21170081	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên			☐		5	5	năm năm	
25	21170083	Phạm Hoàng Phú	Gia			☐		2	2	hai hai	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Ng. Hoàng Phương Duy Chữ ký:
2).....Chữ ký:

Họ, tên: T.2. Thị Hiền
Chữ ký:

Họ, tên: T.2. Thị Hiền
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002330

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENV10005

Lớp: **21KMT**

Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **7h45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21170084	Dương Thị Trà	Giang			☐		8	0	tám không	
27	21170085	Đoàn Thị Ngọc	Hân			☐		2	5	hai năm	
28	21170087	Ngô Võ Hồng	Hân			☐		2	5	hai năm	
29	21170090	Nguyễn Anh	Hào			☐		2	8	hai tám	
30	21170091	Đoàn Cao Trung	Hậu			☐		5	5	năm năm	
31	21170094	Lý Thị	Hiền			☐		2	9	hai chín	
32	21170095	Nguyễn Như	Hiếu			☐		8	1	tám một	
33	21170096	Trần Thị	Hoa			☐		4	6	bốn sáu	
34	21170098	Nguyễn Thị An	Hòa			☐		3	3	ba ba	
35	21170099	Đặng Xuân	Hoan			☐		3	9	ba chín	
36	21170100	Lâm Quang	Hùng			☐		5	6	năm sáu	
37	21170101	Huỳnh Long	Hung			☐		2	4	hai bốn	
38	21170103	Nguyễn Văn	Khanh			☐		3	6	ba sáu	
39	21170104	Phạm Lê Công	Khanh			☐		6	1	sáu một	
40	21170106	Lê Hoàng	Khôi			☐		3	4	ba bốn	
41	21170107	Nguyễn Minh	Khôi			☐		3	2	ba hai	
42	21170108	Nguyễn Ngọc Hà	Khôi			☐		3	5	ba năm	
43	21170110	Phan Ngọc	Kim			☐		7	1	bảy một	
44	21170115	Trần Thanh Trúc	Linh			☐		3	0	ba không	
45	21170116	Nguyễn Nhi	Lộc			☐		4	4	bốn bốn	
46	21170117	Lâm Uy	Lợi			☐		3	4	ba bốn	
47	21170119	Trần Bảo	Long			☐		4	7	bốn bảy	
48	21170120	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Mai			☐		5	0	năm không	
49	21170121	Nguyễn Ngọc	Mai			☐		3	5	ba năm	
50	21170127	Phạm Thị Thanh	My			☐		6	6	sáu sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Tg. Hoàng Phước Duy</u> Chữ ký: <u>SZ</u> 2)..... Chữ ký:	Họ, tên: <u>Tg. Thị Hiền</u> Chữ ký: <u>Thị Hiền</u>	Họ, tên: <u>Tg. Thị Hiền</u> Chữ ký: <u>Thị Hiền</u>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002331

Giữa kỳ

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENV10005

Lớp: **21KMT**

Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **7h45**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	21170128	Lê Tấn	Nam		<i>tram</i>	☐		4	0	bốn không	
52	21170129	Nguyễn Quỳnh	Nga			☒					
53	21170130	Lê Võ Bảo	Ngân		<i>ngan</i>	☐		3	4	ba bốn	
54	21170131	Lương Tài	Ngân		<i>Tai</i>	☐		4	9	bốn chín	
55	21170133	Nguyễn Thị Kim	Ngân		<i>Kim</i>	☐		7	8	bảy tám	
56	21170134	Phương Thị Thảo	Ngân		<i>Thao</i>	☐		4	5	bốn năm	
57	21170135	Nguyễn Đỗ Phương	Nghi		<i>Phuong</i>	☐		7	7	bảy bảy	
58	21170136	Lê Hồng	Ngọc		<i>Hong</i>	☐		7	2	bảy hai	
59	21170138	Nguyễn Đặng Phương	Ngọc		<i>Phuong</i>	☐		3	2	ba hai	
60	21170139	Ông Thúy	Ngọc		<i>Thuy</i>	☐		5	3	năm ba	
61	21170140	Tào Mỹ	Ngọc		<i>My</i>	☐		7	7	bảy bảy	
62	21170141	Phạm Võ Như	Nguyễn		<i>Nguyen</i>	☐		7	1	bảy một	
63	21170142	Huỳnh Thanh	Nhân		<i>Thanh</i>	☐		4	3	bốn ba	
64	21170144	Châu Mẫn	Nhi		<i>Mien</i>	☐		1	5	một năm	
65	21170145	Đoàn Thị Tuyết	Nhi		<i>Tuyet</i>	☐		3	6	ba sáu	
66	21170146	Lương Ngọc Lan	Nhi		<i>Lan</i>	☐		4	1	bốn một	
67	21170149	Võ Lê Văn	Nhi		<i>Van</i>	☐		3	3	ba ba	
68	21170150	Trần Huỳnh	Như			☒					
69	21170155	Lê Minh	Quang		<i>Minh</i>	☐		4	9	bốn chín	
70	21170157	Đặng Thị Kim	Quy		<i>Kim</i>	☐		6	2	sáu hai	
71	21170159	Trương Thị Trúc	Quyên		<i>Truc</i>	☐		4	8	bốn tám	
72	21170162	Nguyễn Quốc Khánh	Tân		<i>Khánh</i>	☐		4	0	bốn không	
73	21170164	Võ Thị Nhật	Thanh		<i>Nhat</i>	☐		5	0	năm không	
74	21170166	Nguyễn Văn	Thiện		<i>Thien</i>	☐		7	8	bảy tám	
75	21170167	Huỳnh Lê Anh	Thư		<i>Anh</i>	☐		4	8	bốn tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Ngô Hoàng Phương Quyên</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Tô Thị Hiền</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Tô Thị Hiền</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002332

Tên học phần: **Hóa học môi trường**

Mã học phần: ENV10005

Lớp: **21KMT**

Ngày thi: **06/05/2023** Giờ thi: **9h00**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
76	21170168	Nguyễn Minh	Thư			☐		2	0	hai không	
77	21170171	Trần Thanh	Thúy			☐		4	1	bốn một	
78	21170172	Lý Thanh	Thủy			☐		3	3	ba ba	
79	21170173	Lê Bảo	Toàn			☐		4	4	bốn bốn	
80	21170177	Trần Văn Mỹ	Trần			☐		1	7	một bảy	
81	21170178	Nguyễn Thị Thúy	Trang			☒					
82	21170179	Nguyễn Lê Minh	Trí			☐		5	5	năm năm	
83	21170183	Nguyễn Quang	Tuấn			☐		3	3	ba ba	
84	21170184	Mai Quốc	Tùng			☐		4	0	bốn không	
85	21170186	Lương Ngọc	Tuyền			☐		1	7	một bảy	
86	21170187	Trần Ngọc Thanh	Tuyền			☐		4	0	bốn không	
87	21170188	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết			☐		2	4	hai bốn	
88	21170189	Mai Hoàng Hải	Uyên			☐		2	8	hai tám	
89	21170190	Nguyễn Thị Phương	Uyên			☐		2	8	hai tám	
90	21170191	Nguyễn Trâm Vũ	Uyên			☐		7	2	bảy hai	
91	21170194	Trần Kiến	Vinh			☐		5	0	năm không	
92	21170195	Võ Quang	Vinh			☐		6	0	sáu không	
93	21170197	Lê Tuyết	Vy			☐		6	8	sáu tám	
94	21170198	Phạm Khánh	Vy			☐		4	4	bốn bốn	
95	21170200	Phạm Thị Kim	Y			☐		4	6	bốn sáu	
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Ng. Hữu Phương Duy</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Đ. Thị Hiền</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Đ. Thị Hiền</u> Chữ ký:
2)..... Chữ ký:		